TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 248/2026/DS-ST Ngày 17 – 6– 2026 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Ngân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Giới

Ông Phan Công Điện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Trương Bảo Trân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 390/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 306/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 229/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 257/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh ngày 08/6/1976

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ; có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Thanh H, sinh ngày 01/01/1971

Bà Nguyễn Thị Út H1

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ; cùng vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Vào ngày 17/3/2022, nguyên đơn có cho bị đơn ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Út H1 vay số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng), việc vay tiền ông H có làm tờ cam kết viết tay. Để đảm bảo nợ vay, ông H còn lập giấy cầm đất đối với phần đất chiều ngang 05m, chiều dài 25m và cam kết sẽ hoàn trả tiền cho nguyên đơn vào ngày 17/8/2022. Tuy nhiên cho đến nay bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ theo cam kết mặc dù nguyên đơn nhiều lần yêu cầu trả nợ. Đối với phần đất cầm cố chỉ thể hiện trên giấy tờ, bị đơn cũng không giao đất hay giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn quản lý.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị Út H1 trả số tiền 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại văn bản ngày 02/4/2026 và tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Út H1 và chỉ yêu cầu ông Trần Thanh H chịu trách nhiệm trả nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Thanh H, bà Nguyễn Thị Út H1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có văn bản thể hiện ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: việc tuân theo pháp luật của tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã bảo đảm để thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật

Về nội dung vụ án: Đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

đối với bị đơn Nguyễn Thị Út H1; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn Trần Thanh H, buộc ông H có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng; về án phí: buộc bị đơn Trần Thanh H phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ theo hợp đồng vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, thẩm quyền giải quyết là của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt; người làm chứng đã có yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người làm chứng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về chứng cứ: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn xuất trình chứng cứ là bản gốc "Giấy cầm đất" ngày 17/3/2022 và "Cam kết" có chữ ký của ông Trần Thanh H. Các chứng cứ này đã được Tòa án mở phiên họp công khai và thông báo cho bị đơn được biết. Tuy nhiên, bị đơn không phản đối với chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hay phủ nhận việc vay tiền. Do vậy, căn cứ khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh và dùng làm căn cứ để giải quyết vụ án.

[4.2] Xét nội dung các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đều thể hiện bị đơn Trần Thanh H có vay của nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng. Nguyên đơn đã giao số tiền vay này cho ông H trực tiếp nhận. Mặt khác, tại Biên bản ghi lời khai ngày 20/01/2026, người làm chứng là ông Nguyễn Văn K (là người biết và ký tên vào "Giấy cầm đất" ngày 17/3/2022) cũng xác nhận sự việc ông H có vay của nguyên đơn số tiền trên, lời khai của người làm chứng phù hợp với lời trình bày và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Khi vay hai bên thỏa thuận thời hạn trả là ngày 17/8/2022, đến hạn trả nợ bị đơn Trần Thanh H tiếp tục viết giấy "Cam kết" nhưng đến nay nhưng bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Theo quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, bên vay tài sản có nghĩa vụ hoàn trả đủ tiền khi đến hạn. Trong vụ án này, bị đơn đã nhận tiền vay nhưng không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đúng cam kết, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về chủ thể có nghĩa vụ trả nợ: Xét các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án chỉ thể hiện ông Trần Thanh H là người trực tiếp xác lập giao dịch, ký tên nhận tiền và cam kết thanh toán cho nguyên đơn; không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện bà Nguyễn Thị Út H1 cùng ký tên, cùng thỏa thuận vay, cùng nhận tiền hoặc cùng xác lập nghĩa vụ liên đới trả nợ. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ có căn cứ buộc ông Trần Thanh H tự chịu trách nhiệm trả nợ, không có căn cứ buộc bà Nguyễn Thị Út H1 liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cùng ông H.

Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Út H1. Việc rút yêu cầu là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.4] Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu trả lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Trần Thanh H phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L đối với bị đơn ông Trần Thanh H.

Buộc ông Trần Thanh H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền vay là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực thi hành (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L đối về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Út H1 liên đới trả nợ.

3. Về án phí: Buộc bị đơn ông Trần Thanh H phải chịu 3.500.000 đồng (Ba triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L được nhận lại 1.750.000 đồng (một triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006217 ngày 20 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tựnguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV 13 – Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Thanh Ngân